

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-BTP ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP					
1.	Thông tư	Số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	Khoản 3 Điều 3. Các mẫu đơn, tờ khai: Mẫu TP-LS-01; Mẫu TP-LS-02; Mẫu TP-LS-03; Mẫu TP-LS-04; Mẫu TP-LS-05; Mẫu TP-LS-06; Mẫu TP-LS-12; Mẫu	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp. Được thay thế bằng: Mẫu TP-LS-01-sđ; Mẫu TP-LS-02-sđ; Mẫu TP-LS-03-sđ; Mẫu TP-LS-04-sđ; Mẫu TP-LS-05-sđ; Mẫu TP-LS-06-sđ; Mẫu TP-LS-12-sđ; Mẫu TP-LS-13-sđ;	15/5/2024 15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			TP-LS-13; Mẫu TP-LS-14; Mẫu TP-LS-15; Mẫu TP-LS-16; Mẫu TP-LS-17; Mẫu TP-LS-18; Mẫu TP-LS-19; Mẫu TP-LS-20; Mẫu TP-LS-26; Mẫu TP-LS-27; Mẫu TP-LS-28; Mẫu TP-LS-29; Mẫu TP-LS-30; Mẫu TP-LS-31; Mẫu TP-LS-32.	Mẫu TP-LS-14-sđ; Mẫu TP-LS-15-sđ; Mẫu TP-LS-16-sđ; Mẫu TP-LS-17-sđ; Mẫu TP-LS-18-sđ; Mẫu TP-LS-19-sđ; Mẫu TP-LS-20-sđ; Mẫu TP-LS-26-sđ; Mẫu TP-LS-27-sđ; Mẫu TP-LS-28-sđ; Mẫu TP-LS-29-sđ; Mẫu TP-LS-30-sđ; Mẫu TP-LS-31-sđ; Mẫu TP-LS-32-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	
			Các Thông báo, giấy tờ đăng ký: Mẫu TP-LS-07; Mẫu TP-LS-08; Mẫu TP-LS-09; Mẫu TP-LS-10; Mẫu TP-LS-11; Mẫu TP-LS-21; Mẫu TP-LS-22; Mẫu TP-LS-23; Mẫu TP-LS-24; Mẫu TP-LS-25.	Được thay thế bằng: Mẫu TP-LS-07-sđ; Mẫu TP-LS-08-sđ; Mẫu TP-LS-09-sđ; Mẫu TP-LS-10-sđ; Mẫu TP-LS-11-sđ; Mẫu TP-LS-21-sđ; Mẫu TP-LS-22-sđ; Mẫu TP-LS-23-sđ; Mẫu TP-LS-24-sđ; Mẫu TP-LS-25-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
2.	Thông tư	Số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật	Các biểu mẫu: Mẫu TP-TVPL-01; Mẫu TP-TVPL-02; Mẫu TP-TVPL-03; Mẫu TP-TVPL-04; Mẫu TP-TVPL-05; Mẫu TP-TVPL-06; Mẫu TP-TVPL-07; Mẫu TP-TVPL-08; Mẫu TP-TVPL-09 ; Mẫu TP-TVPL-10; Mẫu TP-TVPL-11; Mẫu TP-TVPL-12.	Được thay thế bằng: Mẫu TP-TVPL-01-sđ; Mẫu TP-TVPL-02-sđ; Mẫu TP-TVPL-03-sđ; Mẫu TP-TVPL-04-sđ; Mẫu TP-TVPL-05-sđ; Mẫu TP-TVPL-06-sđ; Mẫu TP-TVPL-07-sđ; Mẫu TP-TVPL-08-sđ; Mẫu TP-TVPL-09-sđ; Mẫu TP-TVPL-10-sđ; Mẫu TP-TVPL-11-sđ; Mẫu TP-TVPL-12-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	15/5/2024
3.	Thông tư	Số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng	Điểm đ khoản 1 Điều 4. Các biểu mẫu: Mẫu TP-CC-01; Mẫu TP-CC-02; Mẫu TP-CC-03; Mẫu TP-CC-04; Mẫu TP-CC-05; Mẫu TP-CC-06; Mẫu TP-CC-07; Mẫu TP-CC-	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. Được thay thế bằng: Mẫu TP-CC-01-sđ; Mẫu TP-CC-02-sđ; Mẫu TP-CC-03-sđ; Mẫu TP-CC-04-sđ; Mẫu TP-CC-05-sđ; Mẫu TP-CC-06-sđ; Mẫu TP-CC-07-sđ; Mẫu TP-CC-	15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			08; Mẫu TP-CC-09; Mẫu TP-CC-10; Mẫu TP-CC-19; Mẫu TP-CC-27.	08-sđ; Mẫu TP-CC-09-sđ; Mẫu TP-CC-10-sđ; Mẫu TP-CC-19-sđ; Mẫu TP-CC-27 ban hành kèm theo Thông tư 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ tư pháp.	
4.	Thông tư	Số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.	Các biểu mẫu: Mẫu TP-TPL-01; Mẫu TP-TPL-02; Mẫu TP-TPL-03; Mẫu TP-TPL-04; Mẫu TP-TPL-05; Mẫu TP-TPL-07; Mẫu TP-TPL-08; Mẫu TP-TPL-09; Mẫu TP-TPL-10; Mẫu TP-TPL-11; Mẫu TP-TPL-13; Mẫu TP-TPL-16; Mẫu TP-TPL-18; Mẫu TP-TPL-19; Mẫu TP-TPL-20; Mẫu TP-TPL-21; Mẫu TP-TPL-23; Mẫu TP-TPL-25; Mẫu TP-TPL-27.	Được thay thế bằng: Mẫu TP-TPL-01-sđ; Mẫu TP-TPL-02-sđ; Mẫu TP-TPL-03-sđ; Mẫu TP-TPL-04-sđ; Mẫu TP-TPL-05-sđ; Mẫu TP-TPL-07-sđ; Mẫu TP-TPL-08-sđ; Mẫu TP-TPL-09-sđ; Mẫu TP-TPL-10-sđ; Mẫu TP-TPL-11-sđ; Mẫu TP-TPL-13-sđ; Mẫu TP-TPL-16-sđ; Mẫu TP-TPL-18-sđ; Mẫu TP-TPL-19-sđ; Mẫu TP-TPL-20-sđ; Mẫu TP-TPL-21-sđ; Mẫu TP-TPL-23-sđ; Mẫu TP-TPL-25-sđ; Mẫu TP-TPL-27-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến	15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	
5.	Thông tư	Số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.	Mẫu số 06.	Được thay thế bằng Mẫu số 06-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	15/5/2024
6.	Thông tư	Số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.	Các biểu mẫu: Mẫu TP-ĐGTS-01; Mẫu TP-ĐGTS-02; Mẫu TP-ĐGTS-03; Mẫu TP-ĐGTS-04; Mẫu TP-ĐGTS-05; Mẫu TP-ĐGTS-07; Mẫu TP-ĐGTS-08; Mẫu TP-ĐGTS-09; Mẫu TP-ĐGTS-10; Mẫu TP-ĐGTS-11; Mẫu TP-ĐGTS-12; Mẫu TP-ĐGTS-13; Mẫu TP-ĐGTS-14; Mẫu TP-ĐGTS-15; Mẫu TP-ĐGTS-20.	Được thay thế bằng: Mẫu TP-ĐGTS-01-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-02-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-03-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-04-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-05-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-07-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-08-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-09-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-10-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-11-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-12-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-13-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-14-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-15-sđ; Mẫu TP-ĐGTS-20-sđ Thông tư 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Mẫu TP-ĐGTS-06 ban hành kèm theo Thông tư.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	15/5/2024
7.	Thông tư	Số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại.	Các biểu mẫu: Mẫu 02/TP-TTTM; Mẫu 03/TP-TTTM; Mẫu 04/TP-TTTM; Mẫu 05/TP-TTTM; Mẫu 06/TP-TTTM; Mẫu 07/TP-TTTM; Mẫu 08/TP-TTTM; Mẫu 09/TP-TTTM; Mẫu 10/TP-TTTM; Mẫu 11/TP-TTTM; Mẫu 12/TP-TTTM; Mẫu 13/TP-TTTM; Mẫu 14/TP-TTTM; Mẫu 15/TP-TTTM; Mẫu 16/TP-TTTM; Mẫu 17/TP-TTTM; Mẫu 18/TP-TTTM; Mẫu 19/TP-TTTM; Mẫu 23/TP-TTTM; Mẫu 24/TP-TTTM; Mẫu 27/TP-TTTM.	Được thay thế bằng: Mẫu 02/TP-TTTM-sđ; Mẫu 03/TP-TTTM-sđ; Mẫu 04/TP-TTTM-sđ; Mẫu 05/TP-TTTM-sđ; Mẫu 06/TP-TTTM-sđ; Mẫu 07/TP-TTTM-sđ; Mẫu 08/TP-TTTM-sđ; Mẫu 09/TP-TTTM-sđ; Mẫu 10/TP-TTTM-sđ; Mẫu 11/TP-TTTM-sđ; Mẫu 12/TP-TTTM-sđ; Mẫu 13/TP-TTTM-sđ; Mẫu 14/TP-TTTM-sđ; Mẫu 15/TP-TTTM-sđ; Mẫu 16/TP-TTTM-sđ; Mẫu 17/TP-TTTM-sđ; Mẫu 18/TP-TTTM-sđ; Mẫu 19/TP-TTTM-sđ; Mẫu 23/TP-TTTM-sđ; Mẫu 24/TP-TTTM-sđ; Mẫu 27/TP-TTTM-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông	15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	
8.	Thông tư	Số 02/2018/TT-BTP ngày 26/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.	Các biểu mẫu: Mẫu 01/TP-HGTM; Mẫu 02/TP-HGTM; Mẫu 03/TP-HGTM; Mẫu 04/TP-HGTM; Mẫu 05/TP-HGTM; Mẫu 06/TP-HGTM; Mẫu 07/TP-HGTM; Mẫu 08/TP-HGTM; Mẫu 09/TP-HGTM; Mẫu 10/TP-HGTM; Mẫu 11/TP-HGTM; Mẫu 12/TP-HGTM; Mẫu 13/TP-HGTM; Mẫu 14/TP-HGTM; Mẫu 15/TP-HGTM; Mẫu 16/TP-HGTM; Mẫu 19/TP-HGTM; Mẫu 20/TP-HGTM; Mẫu 21/TP-HGTM; Mẫu 23/TP-HGTM.	Được thay thế bằng: Mẫu 01/TP-HGTM-sđ; Mẫu 02/TP-HGTM-sđ; Mẫu 03/TP-HGTM-sđ; Mẫu 04/TP-HGTM-sđ; Mẫu 05/TP-HGTM-sđ; Mẫu 06/TP-HGTM-sđ; Mẫu 07/TP-HGTM-sđ; Mẫu 08/TP-HGTM-sđ; Mẫu 09/TP-HGTM-sđ; Mẫu 10/TP-HGTM-sđ; Mẫu 11/TP-HGTM-sđ; Mẫu 12/TP-HGTM-sđ; Mẫu 13/TP-HGTM-sđ; Mẫu 14/TP-HGTM-sđ; Mẫu 15/TP-HGTM-sđ; Mẫu 16/TP-HGTM-sđ; Mẫu 19/TP-HGTM-sđ; Mẫu 20/TP-HGTM-sđ; Mẫu 21/TP-HGTM-sđ; Mẫu 23/TP-HGTM-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	15/5/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.2. LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC					
9.	Thông tư	Số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch.	<p>Cụm từ “Các Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” tại khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 6.</p> <p>Các mẫu Sổ tại Điều 3, gồm: Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch (TP/QT-2020-STLHSQT); Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài” bởi Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>Được thay thế bởi các biểu mẫu: Sổ thụ lý hồ sơ các việc về quốc tịch (TP/QT-2024-STLHSQT); Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-SĐKXĐCQTVN); Sổ</p>	<p>06/6/2024</p> <p>06/6/2024 Các mẫu Sổ quốc tịch theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			(TP/QT-2020-SĐKXĐCQTVN); Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-SCGXNCQTVN); Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2020-SCGXNGVN).	cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-SCGXNCQTVN); Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-SCGXNGVN) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch.và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	số 02/2020/TT-BTP được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2024/TT-BTP.
			Các loại mẫu giấy tờ về quốc tịch tại Điều 4, gồm: Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-ĐXNQT.1); Đơn xin nhập quốc tịch Việt	Được thay thế bằng: Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-ĐXNQT.1); Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập	06/6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>Nam dùng cho người giám hộ/người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/được đại diện (TP/QT-2020-ĐXNQT.2); Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-ĐXTLQT.1); Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người giám hộ/người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/được đại diện (TP/QT-2020-ĐXTLQT.2); Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-ĐXTQT.1); Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người giám hộ/người đại diện theo pháp luật làm Đơn thôi quốc tịch Việt Nam cho người được giám hộ/được đại diện (TP/QT-2020-ĐXTQT.2); Bản khai lý lịch (TP/QT-2020-</p>	<p>quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-ĐXNQT.2); Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-ĐXTLQT.1); Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-ĐXTLQT.2); Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-ĐXTQT.1); Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-ĐXTQT.2); Bản khai lý lịch (TP/QT-2024-BKLL); Tờ khai đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-TKXĐCQTVN); Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-TKXNCQTVN.1); Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-TKXNNGVN.1); Trích lục đăng ký xác định có quốc</p>	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			BKLL); Tờ khai đề nghị đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-TKXĐCQTVN); Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-TKXNCQTVN); Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2020-TKXNNGVN); Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-TLXĐCQTVN); Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2020-XNCQTVN) bằng Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (TP/QT-2024-XNCQTVN); Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2020-XNNGVN); Danh sách người được đề nghị giải quyết các việc quốc tịch (TP/QT-2020-DS).	tịch Việt Nam (TP/QT-2024-TLXĐCQTVN); Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-XNNGVN); Danh sách người được đề nghị giải quyết các việc quốc tịch (TP/QT-2024-DS) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	
			Mẫu “Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hồ sơ” tại Điều 4.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024	06/6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	
			Khoản 1, khoản 2 Điều 7.	Bị sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày	06/6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	
10.	Thông tư	Số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	Khoản 2 và khoản 6 Điều 3, khoản 2 Điều 18. Danh mục Tờ khai đăng ký hộ tịch được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân tự in, sử dụng (Phụ lục 5).	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2024/TT-BTP sửa đổi Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Được thay thế bằng Danh mục Tờ khai đăng ký hộ tịch được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân tự in, sử dụng (Phụ lục 5) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi	06/6/2024 06/6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	
I.3. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, BAN HÀNH, KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QPPL					
11.	Nghị định	Số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).	Khoản 1 và khoản 2 Điều 2, tên Mục 1 Chương II, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 13, Điểm a khoản 2 Điều 17, Khoản 3 Điều 25, Khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều 26, Khoản 2 Điều 27, Điểm a khoản 3 Điều 28, khoản 4 Điều 37, khoản 4 Điều 38, khoản 3 Điều 40, khoản 1 Điều 42, khoản 2 Điều	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	01/6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			43, khoản 2 Điều 44, khoản 3 Điều 48, khoản 3 Điều 49, Điều 50, Điều 51, khoản 2 Điều 64, khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 2 Điều 113, khoản 1 Điều 159, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 181, tên Điều 184.		
			Mẫu số 42 Phụ lục I.	Được thay thế bằng Mẫu số 42 tại Phụ lục II ban hành kèm theo bởi Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	01/6/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>Mẫu số 01, 02 và 03 Phụ lục V.</p> <p>- Cụm từ “có dấu hiệu” tại: khoản 1 Điều 112; khoản 2 Điều 112; điểm a khoản 4 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 122; khoản 4 Điều 122; khoản 1 Điều 124;</p> <p>- Khoản 2 và khoản 4 Điều 14; Điều 5; Điều 8; Điều 31.</p>	<p>Được thay thế bằng Mẫu số 01, 02 và 03 tại Phụ lục III ban hành kèm theo bởi Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	01/6/2024
I.4. LÝ LỊCH TƯ PHÁP					
12.	Thông tư	Số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng	Điều 1, Điều 3, Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 14.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử	01/7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.		dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.	
13.	Thông tư	Số 16/2013/TT-BTP ngày 19/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.	08 loại biểu mẫu, 04 mẫu sổ lý lịch tư pháp tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP và hai loại giấy in màu có hoa văn để Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp in Phiếu lý lịch tư pháp (khoản 1 Điều 1)	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.	01/7/2024
I.5. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH					
14.	Nghị định	Số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày	Điểm b khoản 3 Điều 4; khoản 4 Điều 5; khoản 1 Điều 12; khoản 1, 3, 4 Điều 27; khoản 2 Điều 28; điểm e khoản 1 Điều 43; khoản 2, 3 Điều 56; khoản 3 Điều 66; khoản 1 Điều 69; khoản 1, khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 78.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		17/3/2020 của Chính phủ.	Điểm c khoản 2 Điều 24.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.	01/01/2025
I.6. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ, THI ĐUA - KHEN THƯỞNG					
15.	Nghị định	Số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.	Điều 1; khoản 3 Điều 2; điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 3; Điều 4; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 5; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 6; Điều 7; khoản 1 và khoản 2 Điều 8; Điều 9; tên và khoản 1 khoản 3 Điều 12.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.	02/7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ cụm từ “dài hạn”, “hàng năm” tại điểm b khoản 1 Điều 3; - Bỏ cụm từ “và tham gia tố tụng” tại tên khoản 8 Điều 3, khoản 8 Điều 5, khoản 8 Điều 6; - Bỏ cụm từ “định kỳ hàng quý” tại điểm đ khoản 2 Điều 13. 	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.	02/7/2024
			Cụm từ “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp” tại khoản 4 Điều 16.	Được thay thế bằng bằng cụm từ “thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thành lập, quản lý doanh nghiệp nhà nước, đại diện chủ sở hữu phần vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước” tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế	02/7/2024
			Điểm b khoản 8 Điều 3; khoản 10 Điều 3; điểm b khoản 8 Điều 5; khoản 9 Điều 5; điểm b khoản 8 Điều 6; khoản 9 Điều	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày	02/7/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			6; điểm g khoản 2 Điều 13 và Điều 17.	04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.	
16.	Thông tư	Số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự	Khoản 1 Điều 1; khoản 1, điểm a, b, khoản 2 Điều 5; khoản 1, điểm a, b, c, khoản 2 Điều 7; Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 83 và Điều 84.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2024/TT-BTP ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số điều, khoản của các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự.	31/10/2024
17.	Thông tư	Số 18/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 3 năm 2017.	Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 23 Điều 1.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2024/TT-BTP ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số điều, khoản của các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự.	31/10/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.7.LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					
18.	Thông tư	Số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.	Khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 22.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.	15/2/2024
			Một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP như sau: Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (Mẫu TP-TGPL-10); Đơn đề nghị cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (Mẫu TP-TGPL-11).	Được thay thế bằng Mẫu TP-TGPL-10, Mẫu TP-TGPL-11 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.	15/2/2024
19.	Thông tư	Số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BTP: Đơn yêu cầu trợ giúp	Được thay thế bằng Mẫu số 02-TP-TGPL, Mẫu số 03- TP-TGPL, Mẫu	15/2/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	pháp lý (Mẫu số 02-TP-TGPL); Đơn khiếu nại (Mẫu số 03-TP-TGPL); Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý (Mẫu số 04-TP-TGPL); Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý (Mẫu số 05-TP-TGPL).	số 04-TP-TGPL, Mẫu số 05-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	
I.8. LĨNH VỰC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT					
20.	Nghị định	Số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	Điểm a khoản 2 Điều 2; điểm a khoản 3 Điều 3; khoản 4 Điều 5; điểm c khoản 6, điểm b và điểm c khoản 8; điểm a khoản 9 Điều 6; điểm m khoản 2; điểm a khoản 8 Điều 7; điểm b khoản 3 Điều 8; điểm a khoản 6 Điều 9; điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 10; khoản 4 Điều 11; điểm a khoản 3, điểm c khoản 5 Điều 12; khoản 5 Điều 13; điểm d khoản 3, điểm a khoản 8,	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/09/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	15/11/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			điểm c khoản 8, điểm a khoản 9 Điều 15; điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm b và c khoản 7, khoản 8 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 3 và 4 Điều 18; khoản 3 Điều 21; điểm b, c, g khoản 3, điểm c khoản 9 Điều 22; điểm b khoản 5 Điều 23; điểm g khoản 1, điểm r khoản 2, điểm k khoản 3, điểm c khoản 7 Điều 24; khoản 1, khoản 3 Điều 25; điểm a khoản 5 Điều 26; khoản 1 và khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 5 Điều 29; khoản 5 Điều 31; điểm b khoản 3 và điểm a khoản 9 Điều 32; điểm a, b, d khoản 1, khoản 7, khoản 8 Điều 33; khoản 7 Điều 34; điểm b khoản 5 Điều 35; điểm b khoản 5 Điều 36; khoản 4 Điều 37; khoản 4 Điều 38; khoản 7 Điều 39; khoản 4 Điều 40; khoản 5 Điều 41; khoản 5 Điều 42; khoản 4 Điều 43; khoản 5 Điều 44; khoản 6		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>Điều 45; khoản 5 Điều 46; khoản 2 và khoản 5 Điều 47; tên Điều 48; Điều 50; khoản 5 Điều 51; khoản 6 Điều 52; điểm a khoản 5 Điều 53; khoản 4 Điều 54; tên và điểm d khoản 1 Điều 55; điểm a khoản 6 Điều 56; khoản 6 Điều 57; khoản 5 Điều 62; khoản 8 Điều 63; Điều 78; điểm a khoản 6 Điều 79; Điều 82; điểm d khoản 2 Điều 83; điểm đ khoản 6, điểm đ khoản 7, điểm d khoản 9, điểm d khoản 11 Điều 84; điểm d khoản 3, điểm d khoản 4, Điều 85; khoản 3 Điều 86; Điều 88.</p>		
			<p>Cụm từ “hủy kết quả” tại điểm a khoản 9 Điều 22, điểm a khoản 5 Điều 23 và điểm a khoản 7 Điều 24.</p>	<p>Được thay bằng cụm từ “buộc hủy bỏ kết quả” tại Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân</p>	15/11/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	
			Cụm từ “giấy chứng nhận” tại khoản 1 và khoản 3 Điều 54.	Được thay bằng cụm từ “văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm” tại Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/09/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	15/11/2024
			Các cụm từ “các”, “và b” tại điểm c khoản 6 Điều 39; cụm từ “có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này” tại điểm c khoản 2 Điều 83; điểm b khoản 7 Điều 7; điểm b khoản 5 Điều 9; điểm b khoản 6 Điều 15; điểm c khoản 8 Điều 22; điểm c khoản 6 Điều 24; điểm b khoản 4 Điều 26; điểm b khoản 4 Điều	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	15/11/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			29; điểm d khoản 8 Điều 32; điểm c khoản 5 Điều 79; khoản 2 Điều 84, Chương VII.		
Tổng số (I): 20 văn bản					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					